

Số: /QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/ 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh sơn La về việc phê duyệt chủ trương dự án Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 318/TTr-SXD ngày 24/ 9/2024 và Báo cáo thẩm định số 193/KQTD-SXD ngày 23/ 9/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La, với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Quốc Việt, thành phố Sơn La.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh.
3. Chủ đầu tư: UBND thành phố Sơn La.
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư

4.1. Mục tiêu: Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, chỉnh trang đô thị, từng bước hướng tới hoàn thiện tiêu chí đô thị loại I.

4.2. Phạm vi đầu tư: Tổng chiều dài tuyến 1,16 km, trong đó:

- Tuyến chính (*chiều dài khoảng 700m*): Điểm đầu giao với đường Quốc lộ 6 tại Km301+920; điểm cuối tuyến đường Hoàng Quốc Việt giáp với bản Mé Ban, phường Chiềng Cơi.

- Tuyến nhánh 1 (*chiều dài khoảng 180m*): Điểm đầu giao với đường Hoàng Quốc Việt tại Km0+365,2; điểm cuối kết nối với Chi cục thuế tỉnh và trường Tiểu học Ngọc Linh (hướng đi Quảng trường Tây Bắc).

- Tuyến nhánh 2 (*chiều dài khoảng 140m*): Điểm đầu giao với đường Hoàng Quốc Việt tại Km0+122,8; điểm cuối kết nối với Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

- Tuyến nhánh 3 (*chiều dài khoảng 140m*): Điểm đầu giao với đường Hoàng Quốc Việt tại Km0+82,9; điểm cuối kết nối khu dân cư tổ 4, phường Quyết Thắng.

4.3. Quy mô đầu tư: Tổng chiều dài tuyến khoảng 1,16 km (*trong đó: Tuyến chính chiều dài khoảng 700m và Tuyến nhánh 1 chiều dài khoảng 180m có $B_n=25m$, $B_m=17m$, $B_{hè}=4x2m$; Tuyến nhánh 2 chiều dài khoảng 140m có $B_n=9m$, $B_m=5,5m$, $B_{hè}=1,75x2m$; Tuyến nhánh 3 chiều dài khoảng 140m có $B_n=13m$, $B_m=7m$, $B_{hè}=3x2m$*). Nâng cấp, sửa chữa mặt đường hiện trạng, thảm bê tông nhựa mặt đường; nâng cấp, lát vỉa hè; thay thế, bổ sung bó vỉa bốn cây; nạo vét sửa chữa rãnh dọc, hệ thống đảm bảo an toàn giao thông và một số hạng mục khác.

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

5.1. Bình đồ: Tuyến đi theo đường cũ hiện tại đang khai thác; tuân thủ hiện trạng cách tuyến đường đang sử dụng. Bình đồ tuyến đường trong hệ thống đường giao thông phù hợp với thực trạng, thể hiện đầy đủ hiện trạng hư hỏng mặt đường trên mặt bằng.

5.2. Trắc dọc: Thiết kế đường đồ bám theo cao độ đường hiện tại, tăng cường mặt đường lên một lớp bê tông nhựa nhằm đảm bảo xe chạy an toàn.

5.3. Trắc ngang: Trên cơ sở bề rộng mặt đường hiện trạng, thiết kế trắc ngang bám theo bề rộng hiện trạng, cụ thể như sau:

- Tuyến chính: $B_n=25m$, B_m rộng từ (15,7÷16,1)m, $B_{hè}$ rộng từ (4÷5)m x 2; độ dốc ngang mặt đường $I_m = 2\%$ dốc 2 mái; bám theo độ dốc hiện trạng;

- Nhánh 1: $B_n = 25m$, $B_m = 17m$, $B_{hè} = 4mx2$; độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$ dốc 2 mái; bám theo độ dốc hiện trạng.

- Nhánh 2:

+ Đoạn Từ cọc N2.1÷N2.5: $B_n=10\text{m}$, $B_m= (6,4\div 7,3)\text{m}$, $B_{h\bar{e}}$ rộng trung bình $= (2,4\div 2,6)\text{m} \times 1,0$;

+ Đoạn Từ cọc N2.6÷TD1: $B_n=9\text{m}$, $B_m=5,5\text{m}$, $B_{h\bar{e}}=1,75\text{m} \times 2$;

+ Độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$ dốc 2 mái; bám theo độ dốc hiện trạng.

- Nhánh 3: $B_n=13\text{m}$, $B_m=6,5\text{m}\div 9,0\text{m}$, $B_{h\bar{e}}$ rộng trung bình $(2,5\div 3,5)\text{m} \times 2$; độ dốc ngang mặt đường $I_m=2\%$ dốc 2 mái bám theo độ dốc hiện trạng.

5.4. Thiết kế nâng cấp, sửa chữa mặt đường hiện trạng: Mặt đường cấp cao A_1 , mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} \geq 120\text{Mpa}$, hệ số tin cậy $K=1,1$ (theo bảng 10, TCCS 38:2022/TCĐBVN), tải trọng trục thiết kế 10T theo TCCS 38:2022/TCĐBVN, vận tốc thiết kế: 50km/h, cụ thể:

- Thảm Mặt đường BTNC16 dày 6cm;

- Tưới nhựa dính bám TCN 0,5kg/m²;

- Bù vênh mặt đường bằng bê tông nhựa BTNC16 dày trung bình 1cm;

- Vệ sinh mặt đường, khe cắt dọc, khe ngang hiện trạng, xử lý dán lớp vải địa kỹ thuật cốt sợi thủy tinh có bề rộng $B=0,5\text{m}$ và 1 lớp cốt sợi thủy tinh dán toàn bộ phần mặt đường bê tông hiện trạng đảm bảo thông số kỹ thuật cơ bản như sau:

+ Cường độ chịu kéo khi đứt theo phương dọc và phương ngang: 100kN/m;

+ Độ giãn dài khi đứt theo phương dọc và phương ngang: $\leq 3\%$ (+ 0.5%);

+ Nhiệt độ nóng chảy đối với lớp nhựa bọc bảo vệ sợi lưới $\geq 200^\circ\text{C}$.

5.5. Cải tạo nền hè đường, vỉa hè

Bóc bỏ các lớp kết cấu hiện trạng, gạch lát, bó vỉa hiện trạng. Cải tạo lại kết cấu vỉa hè với độ dốc ngang 2% hướng về phía tim đường. Kết cấu vỉa hè lát đá tự nhiên kích thước đá 30x30x3 cm, chi tiết từng vị trí như sau:

- Kết cấu: Lát đá tự nhiên kích thước 30x30x3cm/lớp vừa đệm vừa xi măng mác 75, dày 2cm/lớp bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 8cm/ tại những vị trí không có rãnh hiện trạng đắp nền đất đầm chặt K90;

- Viên bó vỉa đá tự nhiên kích thước 30x23x100 cm/lớp vừa đệm vừa xi măng mác 75, dày 2cm/ lớp bê tông xi măng cấp độ bền B12,5 (mác 150) dày 8cm/nền đường hiện trạng.

5.6. Hố thăm rãnh hè phố, cửa thu nước

- Rãnh biên thu nước bê tông xi măng cấp độ bền B15 (mác 200) đổ tại chỗ có kích thước rộng 25cm, dày 7cm;

- Lắp đặt tấm gang đúc sẵn kích thước 120x120cm trên rãnh hiện trạng; gia cường đỉnh rãnh bằng bằng bê tông xi măng cấp độ bền B20 (mác 250);

- Cửa thu nước: Cửa thu nước bằng tấm gang kích thước 86x29x3cm.

5.7. Hố trồng cây:

- Tuyến chính và nhánh 1: sử dụng bó vỉa bồn cây bằng đá có kích thước

10x15x120cm;

- Tuyến nhánh 2 và nhánh 3: sử dụng bó vỉa bồn cây bằng đá có kích thước 10x15x100cm.

- Cấu tạo chi tiết theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

5.8. Nạo vét, cải tạo rãnh hiện trạng:

- Nạo vét lòng rãnh hiện trạng dọc hai bên tuyến đường, khối lượng nạo vét được xác định trong giai đoạn triển khai thực hiện.

- Thay thế, bổ sung mới các tấm đan rãnh hiện trạng bị hỏng. Kích thước tấm đan theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

5.9. Hồ đấu nối trên vỉa hè: Cải tạo, gia cố lại các hồ đấu nối hiện trạng nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng, sửa chữa, bảo trì hạng mục theo quy định.

5.10. Thiết kế an toàn giao thông: Cải tạo, thiết kế đầy đủ hệ thống vạch sơn, biển báo theo điều lệ báo hiệu đường bộ theo QCVN 41:2019/BGTVT để hướng dẫn tổ chức giao thông trên đường; sơn kẻ phân làn xe theo dọc tuyến, sơn kẻ báo hiệu trên mặt đường ở các vị trí nút giao.

5.11. Các nội dung, chi tiết khác: Theo hồ sơ thiết kế cơ sở thẩm định.

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Thiên Long; Địa chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn Mộc châu, tỉnh Sơn La.

7. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất

- Địa điểm xây dựng: thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- Diện tích sử dụng đất: Theo hiện trạng và quy hoạch được phê duyệt.

8. Loại, nhóm dự án, cấp công trình

- Dự án: nhóm C;

- Loại, cấp công trình: công trình giao thông đô thị, cấp III.

9. Số bước thiết kế: 02 bước (*thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công*).

10. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu

10.1. Quy chuẩn:

- QCVN 01-2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 10-2014/BXD: Quy chuẩn xây dựng công trình để người tàn tật tiếp cận sử dụng;

- QCVN 16-2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

- QCVN 09-2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả;

- QCVN 41-2019/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.

10.2. Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm:

- 22 TCN 263-2000: Quy trình khảo sát đường ô tô;
- 22 TCN 66-84: Thí nghiệm thành phần hạt;
- TCCS 31-2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 8867-2011: Áo đường mềm-Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cân đo vòng Benkelman.

10.3. Tiêu chuẩn thiết kế:

- TCVN 104-2007: Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị-Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13592-2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất-thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13567 : 2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng-thi công và nghiệm thu;
- TCCS 38-2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm;
- TCVN 8817-1:2011: Nhũ tương nhựa đường axit- Phần 1-Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8818-1:2011: Nhựa đường lỏng-Phần 1-Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9845-2013: Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ;
- TCVN 8791-2011: Yêu cầu kỹ thuật phương pháp thử, thi công và nghiệm thu-Sơn tín hiệu giao thông, vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo;
- TCVN 4732-2007: Đá ốp, lát đá tự nhiên;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư: 17.000 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 14.856,5 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 309,3 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn: 1.009,3 triệu đồng;
- Chi phí khác: 342,3 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 482,6 triệu đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2024-2025.

13. Nguồn vốn và dự kiến bố trí kế hoạch vốn

- Nguồn vốn: Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh.
- Dự kiến kế hoạch vốn:

Năm	Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh
2024 - 2025	17.000 triệu đồng

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố Sơn La (*chủ đầu tư*) chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng... Quá trình thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ mục tiêu, phạm vi đầu tư, tôn trọng hiện trạng và kết nối hài hòa, đồng bộ với các công trình trên tuyến hiện có để tránh gây lãng phí, thất thoát vốn đầu tư; quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định;

2. Thực hiện các nội dung theo kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 193/KQTĐ-SXD ngày 23 tháng 9 năm 2024;

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn UBND thành phố triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Chủ tịch UBND thành phố Sơn La; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh Sơn La;
- Lưu VT, TH, KG-VX, KT Việt.25b.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh